

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ- ST

Ngày 07/5/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Nguyễn Danh Long.

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08/4/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1991.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn T, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Lưu Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn N, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm

2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Văn T.

Về con chung: Chị và anh Tám có 01 con chung là cháu Lưu Xuân T, sinh ngày 08/11/2009. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Lưu Văn T trốn tránh, không hợp tác làm việc, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2021, bà Trần Thị L (Bà L là mẹ ruột của anh T) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị L và anh T như chị L trình bày là đúng. Khoảng thời gian gần đây giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn cụ thể bà không nắm rõ. Cách đây 03 tháng chị L đã tự ý bỏ nhà đi, chị đi đâu, làm gì gia đình không nắm rõ. Hiện nay anh T đang đi làm ăn xa nhà, gia đình cũng có thông báo cho anh T biết việc chị L làm đơn ly hôn. Anh T có ý kiến lại với gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc giao nuôi con chung theo bà nên để cho vợ chồng anh chị tự thỏa thuận bà không có ý kiến gì về việc chia giao con chung khi ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đăng Thị L, xử cho chị Đăng Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn T. Giao cháu Lưu Xuân T, sinh ngày 08/11/2009 cho chị Đăng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lưu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai

được cản trở. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Đặng Thị L và anh Lưu Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn N, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị L, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị L và anh T xác định: Chị L và anh T kết hôn vào năm 2009. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn N, xã N, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2017 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn. Bản thân chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị L là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Quá trình giải quyết ly hôn chị L đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lưu Xuân T, sinh ngày 08/11/2009. Bản thân cháu T cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng chị L. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Lưu Xuân T, sinh ngày 08/11/2009 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lưu Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị L xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Lưu Văn T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Lưu Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Lưu Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lưu Xuân T, sinh ngày 08/11/2009 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lưu Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004090 ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lưu Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/5/2021), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

